TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 9-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thoả và bà Lê Thị Thường

Thư ký phiên toà: Bà V Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 95/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đậu Thị N, sinh năm 2002, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Xóm TM, xã Q (xã QB cũ), tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Hồ Đình T, sinh năm 1995, có đề nghị xét xử vắng mặt

Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Xóm TM, xã QA (xã QB cũ), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Đậu Thị N trình bày:

Chị và anh Hồ Đình T tự nguyện yêu nhau và kết hôn với nhau ngày 05/7/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QB (nay là xã QA), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường nhưng đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con. Vợ

chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay chị N xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Đình T.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Hồ Đình V, sinh ngày 17/5/2021. Ly hôn chị đề nghị Toà án giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2025, anh Hồ Đình T trình bày:

Anh T thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn với chị Đậu Thị N. Vợ chồng có mâu thuẫn do anh đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà; do có mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân và chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất như chị N trình bày về họ tên và ngày tháng năm sinh của con chung. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2025, ông Hồ Đình N là bố đẻ anh T trình bày: Anh T và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QB năm 2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị N sống với gia đình ông. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do mâu thuẫn về kinh tế. Chị N và anh T có 01 con chung tên là Hồ Đình V, sinh ngày 17/5/2021, hiện cháu đang ở với anh T, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đi học đầy đủ. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N và anh T.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Anh: Chị N và anh T đăng ký kết hôn tại xã UBND xã QB (nay là xã QB) đúng quy định pháp luật. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, do không qua hòa giải tại cơ sở. Nay chị N yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Đậu Thị N được ly hôn anh Hồ Đình T; giao con chung Hồ Đình V, sinh ngày 17/5/2021 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N, do anh T không yêu cầu;

về tài sản không xem xét vì đương sự không yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đậu Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Hồ Đình T, đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn TM, xã QA (xã QB cũ), tỉnh Nghệ An. Hiện nay anh Hồ Đình T đang sinh sống và làm việc tại: Số 9, tầng 1 -4, ngõ 85, phố Đông Phong, khu Thụ Lâm, thành phố Đài Bắc, Đài Loan. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử cho bị đơn anh Hồ Đình T, anh T đã nhận được và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị N và anh Hồ Đình T có đăng ký kết hôn ngày 05/7/2021 tại Ủy ban nhân dân xã QB (nay là xã QA), tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về mâu thuẫn và căn cứ ly hôn: Quá trình chung sống, theo chị N thì mâu thuẫn do chồng không quan tâm vợ con và đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay; theo anh T thì vợ chồng có mâu thuẫn do anh hay đi làm ăn xa và sống ly thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đậu Thị N và anh Hồ Đình T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, chị N nhất quyết yêu cầu được ly hôn, anh T cũng đồng ý. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Hồ Đình V, sinh ngày 17/5/2021. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị N có đề nghị Toà án giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó giao cháu V cho anh Hồ Đình T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của anh T, ý chí của chị N và quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Khi đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đậu Thị N.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đậu Thị N được ly hôn với anh Hồ Đình T.

2.2. Về con chung: Giao con chung Hồ Đình V, sinh ngày 17/5/2021 cho anh Hồ Đình T được trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N vì anh T không yêu cầu.

Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Đậu Thị N và anh Hồ Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Đậu Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003300657, mã tham chiếu G22.99.7-250317545099 ngày 17/3/2025 nộp tại Kho bạc nhà nước Khu vực XI-Phòng nghiệp vụ 2 qua số TK 3949.0.1054128.00000 và biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số 90 ngày 17/3/2025 tại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu (nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 4 –Nghệ An).

Trả lại cho chị Đậu Thị N 600.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng và tiền lệ phí uỷ thác tư pháp mà chị N đã nộp theo các giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004211, 0004212, 0004210 cùng ngày 30/7/2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã QA (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà